

Số: /QĐ-UBND

Bắc Sơn, ngày tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư Long Hưng,
xã Long Đống, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, tỷ lệ 1/500**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù; Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị; Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/QCVN quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2706/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt Chương trình phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020- 2025; Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc Phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, đến năm 2035, tỷ lệ 1/15.000; Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc Phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 11/7/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn tổ chức thực hiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020 - 2035 (giai đoạn 1, năm 2021-2025); Thông báo số 182/TB-UBND ngày 7/4/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn kết luận cuộc họp giao ban Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn (cuộc họp ngày 4/4/2022);

Căn cứ Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của UBND huyện Bắc Sơn về việc phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư Long Hưng, xã Long Đống, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, tỷ lệ 1/500.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại Tờ trình số 56/TTr-KT&HT ngày 16/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư Long Hưng, xã Long Đống, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, tỷ lệ 1/500 với nội dung sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư Long Hưng, xã Long Đống, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, tỷ lệ 1/500.

2. Vị trí, ranh giới quy hoạch

- Vị trí: Khu vực nghiên cứu quy hoạch nằm phía nam xã Long Đống, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Ranh giới: Khu vực quy hoạch được giới hạn như sau:

+ Phía Nam: Giáp với khu dân cư hiện có

+ Phía Bắc: Giáp với đường bê tông hiện hữu

+ Phía Đông: Giáp quốc lộ 1B, khu dân cư hiện có và đất cây xanh

+ Phía Tây: Giáp khu vực dân cư mới và chân đồi.

3. Quy mô

- Quy mô diện tích đất khoảng 4,87 ha.

- Dự báo quy mô dân số đến 2025 khoảng 698 người.

4. Tính chất

Là nhóm nhà ở mới với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ và hiện đại, có cảnh quan đẹp, thân thiện môi trường.

5. Quy hoạch sử dụng đất

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

STT	CHỨC NĂNG	Diện tích (m²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất công cộng	608,83	1,25

STT	CHỨC NĂNG	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
2	Đất cây xanh, vườn hoa	1.450,90	2,98
3	Đất ở mới	22.960,31	47,16
4	Đất ở hiện trạng	11.998,41	24,64
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	880,90	1,81
6	Đất nghĩa trang	216,81	0,45
7	Đất bãi đỗ xe	1.106,89	2,27
8	Đất đường giao thông	9.462,80	19,44
	Tổng diện tích	48.685,85	100,00

6. Quy hoạch tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan

6.1. Cảnh quan các cụm nhà

Nhằm tăng cường tiện nghi cho không gian đô thị, không gian bên trong được chú trọng bố trí các hệ cảnh quan cây xanh đường dạo. Đồng thời, xây mới các công trình dịch vụ công cộng như nhà sinh hoạt tổ dân phố tạo ra hệ thống tiện ích đô thị.

Các khu nhà ở thấp tầng gắn với các không gian cây xanh và tiện tích đỗ xe đi kèm, đảm bảo tiện nghi cho người dân sinh sống trong khu vực.

6.2. Tổ chức cảnh quan cây xanh

Không gian cây xanh cảnh quan được hình thành theo dạng: cụm tập trung tại lõi. Đặc biệt việc bố trí khu vực cây xanh kết hợp các hoạt động dịch vụ đô thị trung tâm càng làm tăng giá trị tập trung dân cư của khu vực.

Trong khu đất cây xanh hạn chế xây dựng công trình. Các công trình kiến trúc chủ yếu là kiến trúc nhỏ, tạm như chòi nghỉ, dàn nắng. Mật độ xây dựng tối đa 5%, tầng cao tối đa 1 tầng.

6.3. Đặc điểm kiến trúc

Định hướng phát triển kiến trúc nhà ở theo xu hướng đa dạng, hiện đại

7. Thiết kế đô thị, khu dân cư.

7.1. Chiều cao, cốt nền và mật độ xây dựng

+ Quy hoạch các nhóm nhà ở chia lô với diện tích trung bình lô đất từ 66m² - 168m²/lô và các lô đất để xây dựng các công trình công cộng.

+ Đối với nhà thấp tầng (nhà ở liên kết): Cốt 0,00 của công trình cao hơn cốt vỉa hè tại vị trí có công trình là 0,45m, chiều cao tối đa 5 tầng, mật độ xây dựng theo quy định hiện hành.

+ Đối với công trình công cộng nhóm ở: Chiều cao tối đa 3 tầng, mật độ xây dựng tối đa là 40%.

7.2. Khoảng lùi công trình

Khoảng lùi của công trình tuân thủ khoảng lùi tối thiểu đã được quy định theo tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng Việt Nam, đảm bảo tính thống nhất trên tuyến phố. Theo đó:

+ Đối với công trình công cộng khoảng lùi 2 m

+ Đối với công trình nhà ở liên kề khoảng lùi phía trước là 0m, khoảng lùi sau là 0-2m. Còn với đất ở cải tạo chỉnh trang khoảng lùi xây dựng là 1m.

7.3. Kiến trúc điển hình

* Hình khối kiến trúc:

Nhằm tạo sự khác biệt với các khu dân cư hiện hữu và hình ảnh đặc trưng cho khu đô thị, đề xuất hình thức kiến trúc hiện đại và đồng bộ trên cả khu.

Về cơ bản, các công trình kiến trúc là được bố trí song song với đường đẳng cao.

Kiến trúc công trình hiện đại, thống nhất, liên kết hài hoà với thiên nhiên và phản ánh được đặc trưng chức năng công trình.

Tầng 1 thiết kế hoà quyện với sân vườn, làm cho công trình không quá biệt lập với khung cảnh xung quanh.

Tầng mái có kết cấu mái che chống nắng và thống nhất thẩm mỹ trong tổ chức kiến trúc mái các công trình, kiểu dáng hiện đại.

* Màu sắc chủ đạo:

Sử dụng các vật liệu thân thiện với môi trường phù hợp với điều kiện khí hậu và điều kiện thiên nhiên của khu vực nhưng vẫn mang những nét hiện đại, mới mẻ, thu hút được người dân.

Tăng cường sử dụng các vật liệu tự nhiên, kết hợp khéo léo với các vật liệu hiện đại như kính, kim loại làm phong phú cảm thụ thẩm mỹ nhưng vẫn không mất đi tính sinh thái của công trình.

Sử dụng màu sắc, trong sáng, nhẹ nhàng, tránh những màu quá sẫm, quá nóng. Màu sắc chủ đạo hướng đến hình ảnh hiện đại cho khu đô thị, các công trình đều sử dụng màu sắc chủ đạo là màu sáng trắng, kết hợp tông màu khác nhằm tạo điểm nhấn trên mặt đứng công trình, tùy loại hình và chức năng của công trình để lựa chọn.

* Hình thức kiến trúc chủ đạo:

Về cơ bản, loại hình công trình chủ đạo của khu vực là nhà liên kề.

Đối với hình thức kiến trúc các chi tiết trên mặt đứng, lựa chọn các loại hình phù hợp với điều kiện khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều như ban công, lô gia, mái dốc lớn nhằm che nắng và thoát nước mưa tốt. Các chi tiết này cũng là điểm nhấn trên mặt đứng công trình, đồng thời cần được thiết kế đồng bộ tạo hình ảnh liên kết

giữa các công trình của toàn khu.

8. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

8.1. Quy hoạch san nền

- Cao độ san nền thấp nhất (tim đường) : $H_{min} = 394,45m$;
- Cao độ san nền cao nhất (tim đường) : $H_{max} = 395,20m$
- Cao độ nút các nút giao thông nội bộ xác định phù hợp với cao độ các tuyến đường theo quy hoạch chung và mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo điều kiện thoát nước tự chảy.

- Kết hợp giữa mặt bằng tổ chức không gian và tận dụng địa hình tự nhiên để san đắp nền với mức ít nhất.

- Trong từng ô đất giới hạn bởi các đường giao thông, hướng san nền dốc ra các tuyến đường giao thông, tạo độ dốc tối thiểu $i = 0,004$ đảm bảo khả năng thoát nước nhanh chóng.

- Đối với khu vực dân cư hiện hữu, khi triển khai dự án cần có các giải pháp khớp nối phù hợp, tránh ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của họ.

- Đối với khu vực nền đắp, trước khi tiến hành thi công cần tổ chức vét hữu cơ tại những vị trí nền ruộng với chiều sâu vét phù hợp với khảo sát địa chất

8.2. Quy hoạch giao thông

** Tuyến đường giao thông đối ngoại*

- Tuyến Quốc lộ 1B: Đây là tuyến giao thông đối ngoại giáp ranh giới phía Đông dự án, đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối và phát triển dự án với mạng lưới giao thông khu vực.

- + Bề rộng lộ giới: 21,0m;
- + Bề rộng mặt đường: $5,5m + 5,5m = 11,0m$;
- + Bề rộng hè đường: $2 \times 5,0m = 10,0m$;

** Các tuyến đường nội bộ*

- Mặt cắt 1-1:

- + Bề rộng lộ giới: 10,0m;
- + Bề rộng mặt đường: $2 \times 3,0m = 6,0m$;
- + Bề rộng hè đường: $2 \times 2,0m = 4,0m$.

- Mặt cắt 2-2:

- + Bề rộng lộ giới: 8,5m;
- + Bề rộng mặt đường: 5,5m;
- + Bề rộng vỉa hè: $2 \times 1,5m = 3,0m$.

- Mặt cắt 3-3 (qua công viên cây xanh):

- + Bề rộng lộ giới: 7,0m;
- + Bề rộng mặt đường: 5,5m;
- + Bề rộng vỉa hè: 1,5m.

** Bãi đỗ xe*

- Bãi đỗ xe Khu nhà ở: Nhu cầu đỗ xe của công trình nhà ở trong phạm vi dự án được bố trí trong bản thân từng công trình. Bố trí các bãi đỗ xe công cộng với tổng diện tích là 1.106,89 m², cao 2 tầng để phục vụ nhu cầu đỗ xe cho khách vắng lai của khu nhà ở.

- Bãi đỗ xe Khu công cộng: Các công trình công cộng khi thực hiện dự án cần đảm bảo nhu cầu đỗ xe của bản thân từng công trình.

** Các nút giao thông*

- Các nút giao trong dự án là các nút giao cùng mức. Các nút giao được định hướng thiết kế bằng các giải pháp đảm bảo ATGT, tuân thủ theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

** Kết cấu áo đường*

- Mặt đường từ cấp đường nội bộ trở lên sử dụng kết cấu bê tông xi măng. Các đường vào nhà, đường đi bộ, đường dạo tùy theo yêu cầu có thể dùng kết cấu gạch terrazo hoặc gạch block tự chèn.

8.3. Quy hoạch thoát nước mưa

- Thiết kế hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải.

- Trên cơ sở quy hoạch san nền, thiết kế hệ thống thoát nước mưa bao gồm các tuyến cống chôn dưới lòng đường ngay sát mép vỉa hè và được xây dựng đồng thời với việc xây dựng các tuyến đường giao thông.

- Nước mưa được thu gom theo từng tiểu lưu vực nhỏ tùy thuộc vào điều kiện địa hình và cao độ san nền.

- Hướng thoát nước chủ đạo về phía công hiện trạng trên đường quốc lộ 1B.

- Trên mạng lưới thoát nước mưa bố trí các ga thu, ga thăm, khoảng cách các ga theo tiêu chuẩn đảm bảo tiêu thoát nước nhanh chóng và quản lý vận hành về sau. Độ dốc dọc cống lấy theo độ dốc đường hoặc theo độ dốc tối thiểu theo tiêu chuẩn quy định.

- Xây dựng hệ thống thoát nước riêng bao gồm các tuyến cống có kích thước B300 - B1500mm.

- Các ga thăm được bố trí tại các vị trí giao cắt của mạng lưới thoát nước, các vị trí thay đổi kích thước, độ dốc và các vị trí chuyển hướng của mạng lưới thoát nước.

8.4. Quy hoạch cấp nước

* Nguồn nước: Nguồn nước cấp cho khu vực quy hoạch lấy từ nhà máy nước sạch Bắc Sơn ở phía Tây dự án.

* Tổng nhu cầu dùng nước của khu dân cư là khoảng 267 m³/ngđ

* Cấp nước sinh hoạt:

- Sơ đồ mạng và tuyến: Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế là đảm bảo các yêu cầu về Phòng cháy chữa cháy và bao trùm hết các khu chức năng trong toàn dự án và cấp đến chân công trình.

- Tuyến ống DN110 dẫn nước từ nhà máy nước sạch phía Tây Nam ranh giới cấp nước cho dự án. Các tuyến ống dịch vụ đường kính DN50mm được rẽ nhánh từ tuyến ống DN110 cấp cho các công trình công cộng, dịch vụ và sinh hoạt. Các tuyến ống phân phối và các tuyến ống dịch vụ được đặt trên vỉa hè.

* Cấp nước chữa cháy:

- Trên các trục đường có ống cấp nước chính (DN110mm) sẽ đặt các trụ cứu hỏa với khoảng cách giữa các trụ cứu hỏa từ 120m đến 150m. Các trụ này đặt ở ngã 3, ngã 4 để thuận tiện cho xe cứu hỏa lấy nước chữa cháy. Đối với các công trình công cộng sẽ bố trí hệ thống chữa cháy riêng cho từng công trình.

+ Khoảng cách tối đa giữa các họng cứu hỏa là 150m.

+ Áp lực nước tối thiểu tại mỗi họng là 10 mét cột nước.

+ Lưu lượng cấp tại các điểm lấy nước là 15l/s.

- Trong các công trình công cộng cần có các giải pháp phòng cháy chữa cháy riêng được thiết kế theo tiêu chuẩn ngành.

8.5. Quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn:

a) *Quy hoạch thoát nước thải*

- Hệ thống thoát nước thải riêng với hệ thống thoát nước mưa bao gồm các tuyến rãnh B300mm dọc theo các tuyến đường quy hoạch, thu gom nước thải của các công trình.

- Nước thải từ các hộ dân được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại đặt trong công trình, sau đó được thu gom bằng hệ thống ống uPVC thứ cấp và thoát vào hệ thống rãnh B300mm. Hệ thống ống thu gom thứ cấp sẽ được nghiên cứu cụ thể ở giai đoạn thiết kế kỹ thuật - trong hồ sơ thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công.

- Nước thải sau khi được thu gom sẽ được thoát về trạm xử lý nước thải cục bộ đặt tại trung tâm dự án. Công suất trạm xử lý dự kiến 90 m³/ngđ.

- Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn sẽ được thoát vào hệ thống thoát nước mưa.

b) *Quản lý chất thải rắn và vệ sinh môi trường*

- Đối với khu ở và khu công cộng có thể giải quyết rác theo hai phương thức:

+ Đối với khu vực công trình công cộng: xây dựng hệ thống thu gom rác riêng cho từng đơn nguyên.

+ Đối với khu vực nhà thấp tầng: Đặt các thùng rác nhỏ dọc theo các tuyến đường, khu cây xanh. Khoảng cách giữa các thùng rác là 50m-80m/1 thùng.

- Bố trí nhà vệ sinh công cộng và điểm trung chuyển rác tại khu vực cây xanh để phục vụ cho nhu cầu của khu quy hoạch.

- Tổng lượng chất thải rắn toàn bộ khu dân cư: 840 kg/ngđ

8.6. Quy hoạch cấp điện

* Nguồn điện: Nguồn điện cấp cho khu đô thị là nguồn điện 35kV từ tuyến đường điện hiện hữu dọc đi ngang qua khu vực quy hoạch

* Tổng nhu cầu dùng điện toàn khu vực quy hoạch khoảng: 893 KVA

* Lưới điện trung áp 35KV:

- Tuyến cáp 35KV hiện trạng cắt ngang khu vực dự án: Tiến hành nắn chỉnh và hạ ngầm tuyến điện hiện trạng này theo đường giao thông. Bố trí 01 cột hạ ngầm tại vị trí hành lang giáp dân cư hiện trạng phục vụ công tác hạ ngầm. Chi tiết giải pháp sẽ được thể hiện ở các giai đoạn hồ sơ thiết kế xây dựng.

- Xây dựng các tuyến cáp ngầm mới cấp điện áp 35KV đầu nối từ tuyến cáp 35KV hiện trạng qua khu vực, tại vị trí cột hạ ngầm quy hoạch.

- Cáp trung áp sử dụng là cáp ngầm lõi đồng CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC đảm bảo chất lượng và an toàn.

* Trạm biến áp 35/0,4 KV.

- Xây dựng mới 2 trạm biến áp để cấp điện cho dự án.

- Các trạm biến áp sử dụng loại trạm kios hợp khối hoặc trạm trụ có màu sắc phù hợp với các công trình xung quanh và bố trí được tại trung tâm phân vùng phụ tải để giảm tổn thất điện áp.

* Lưới điện hạ áp 0,4 KV:

- Kết cấu lưới hạ áp 0,4 KV theo mạng hình tia. Trên cơ sở các trạm 35/0,4KV trong từng khu vực dùng điện theo phân vùng phụ tải ở trên, thiết kế các tuyến cáp hạ thế 0,4KV đi ngầm trong rãnh cáp dẫn điện từ trạm 35/0,4kv đến các tủ điện hạ áp cấp điện cho từng phụ tải dùng điện.

- Mạng lưới 0,4KV dùng cáp ngầm lõi đồng CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng.

- Bán kính phục vụ mạng lưới hạ thế không nên quá 350m để hạn chế tổn thất điện áp.

- Tủ điện hạ thế: bố trí trên hè đường tại các cụm căn hộ và công trình để chờ đầu nối cấp điện cho các đối tượng sử dụng điện.

* Lưới điện chiếu sáng:

- Mạng lưới chiếu sáng của khu dân cư mới được bố trí đi ngầm, riêng rẽ với đường dây 0,4KV và 35KV. Nguồn cấp điện cho chiếu sáng lấy từ các trạm hạ áp trong từng khu vực. Quy hoạch 2 tủ điều khiển chiếu sáng để đáp ứng nhu cầu chiếu sáng cho khu dân cư. Cấp điện chiếu sáng sử dụng là cáp ngầm lõi đồng CU/XLPE/PVC.

- Hệ thống đèn chiếu sáng sử dụng đèn led loại 125W đến 250W - 220V. Cột đèn chiếu sáng sử dụng loại đèn cần thép đơn, độ cao trung bình 8,0m - 10m, khoảng cách giữa các cột đèn từ 30-35m.

- Với các tuyến đường có bề rộng lòng đường ≥ 11 m bố trí chiếu sáng 2 bên đường. Với các tuyến đường có bề rộng lòng đường < 11 m bố trí chiếu sáng 1 bên đường. Chiếu sáng sân vườn cảnh quan cây xanh sẽ được nghiên cứu cụ thể ở bước lập dự án đầu tư và thiết kế bản vẽ thi công.

8.7. Mạng lưới thông tin liên lạc:

- Khu vực dự án được cấp nguồn thông tin liên lạc từ tuyến cáp thông tin liên lạc chạy dọc tuyến đường quốc lộ 1B ở phía Đông dự án.

- Tổng nhu cầu thuê bao của khu vực quy hoạch tính toán khoảng: 208 thuê bao.

- Dung lượng các tủ cáp được lắp đặt theo các dãy nhà và công trình công cộng.

- Xây dựng mới các tuyến cáp quang đầu nối từ mạng viễn thông khu vực đến các tổng đài truy nhập đa dịch vụ đặt tại các lô đất.

- Xây dựng mới các tủ cáp, hộp cáp thuê bao.

- Xây dựng mới mạng cáp quang, cáp đồng thuê bao từ các tủ cáp đến các hộ tiêu thụ.

- Xây dựng hệ thống hạ tầng viễn thông bao gồm ống luồn cáp, hố ga kéo cáp đồng bộ với hệ thống đường giao thông.

- Các tuyến đường cáp được luồn trong ống HDPE gân xoắn.

- Xây dựng hệ thống cống bể theo nguyên tắc tổ chức mạng ngoại vi có xét đến khả năng cho các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông khác sử dụng cống bể để phát triển dịch vụ.

- Hạ ngầm tất cả các loại cáp xuống cống bể để đảm bảo chất lượng thông tin và mỹ quan đô thị, đồng thời phải đồng bộ với các hệ thống hạ tầng cơ sở khác để tiết kiệm chi phí khi thi công.

- Các cống bể cáp và nắp bể đã được chuẩn hoá về kích thước cũng như kiểu dáng, theo quy chuẩn của ngành.

- Bể cáp xây gạch loại 1-2 nắp đan bê tông dưới hè, 1-2 lớp ống.

9. Đánh giá môi trường chiến lược

- Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện địa hình, các vấn đề xã hội, văn hóa, cảnh quan thiên nhiên, phân tích dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường.

- Đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp cụ thể nhằm giảm thiểu, khắc phục tác động đến môi trường đô thị khi triển khai thực hiện quy hoạch.

- Tổng hợp, đề xuất, sắp xếp thứ tự ưu tiên biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các vấn đề môi trường còn tồn tại; lập kế hoạch giám sát môi trường, quản lý và quan trắc môi trường theo quy định hiện hành.

10. Thành phần hồ sơ

- Thành phần hồ sơ quy hoạch như hồ sơ kèm theo được Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện thẩm định, trình duyệt theo quy định tại Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng, bao gồm: Thuyết minh quy hoạch, hồ sơ bản vẽ quy hoạch, Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết.

- Hồ sơ quy hoạch gồm 08 bộ, được lưu trữ tại UBND huyện Bắc Sơn, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã Long Đống và các cơ quan chức năng liên quan để quản lý, sử dụng theo quy định hiện hành.

11. Quy định quản lý theo quy hoạch: Được ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Long Đống và các đơn vị liên quan tổ chức công bố công khai đồ án Quy hoạch chi tiết theo quy định. Tổ chức thực hiện các nội dung liên quan đến quy hoạch được duyệt theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện; Trưởng các Phòng: Kinh tế và Hạ tầng; Tài chính và Kế hoạch; Tài nguyên và Môi trường; Văn hóa - Thông tin; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Long Đống và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng;
- Sở Giao thông vận tải;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện;
- VP HĐND&UBND huyện;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, KT&HT.

(B/C)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lộc Quang Hòa